

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 283/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam là tổ chức sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng; phát triển, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; hội nhập và hợp tác quốc tế về chăn nuôi, thú y phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cung cấp dịch vụ công, tư vấn và dịch vụ khoa học, công nghệ và các dịch vụ khác theo chuyên ngành, lĩnh vực của Viện và quy định của pháp luật.

2. Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện) có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở chính của Viện đặt tại thành phố Hà Nội.

4. Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: Vietnam Institute of Animal and Veterinary Sciences (Tên viết tắt: VIAVS).

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng chiến lược phát triển Viện; kế hoạch nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ; sản xuất, kinh doanh; các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Viện; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Đề xuất, tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, đề tài, dự án về chăn nuôi và thú y; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Cung cấp các luận cứ khoa học, các công cụ và giải pháp kỹ thuật, cơ sở dữ liệu, thông tin thống kê về lĩnh vực chăn nuôi, thú y và các lĩnh vực khác có liên quan phục vụ quản lý nhà nước của Bộ.

4. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ về:

a) Di truyền giống vật nuôi, nuôi giữ giống gốc; phát hiện, đánh giá, quản lý, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen vật nuôi, cây thức ăn chăn nuôi, vi sinh vật trong chăn nuôi, thú y, đa dạng sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học;

b) Công nghệ sinh học chăn nuôi và thú y, đa dạng sinh học và tin sinh học; công nghệ số và trí tuệ nhân tạo;

c) Sinh lý, sinh hóa, sinh sản, tập tính vật nuôi và bảo vệ sức khỏe động vật;

d) Dinh dưỡng, thức ăn chăn nuôi, đồng cỏ và cây thức ăn;

đ) Kinh tế, hệ thống, môi trường chăn nuôi và ảnh hưởng của môi trường chăn nuôi tới biến đổi khí hậu;

e) Chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng; chế biến, bảo quản, an toàn vệ sinh thực phẩm chăn nuôi, an toàn sinh học và tồn dư kháng sinh trong chăn nuôi;

g) Sinh học của vi rút, vi trùng, ký sinh trùng và bệnh do chúng gây ra ở động vật, các bệnh truyền lây giữa động vật và người;

h) Dịch tễ các bệnh ở động vật;

i) Miễn dịch học, sinh học phân tử, bệnh lý học;

k) Phát triển các kỹ thuật chẩn đoán bệnh ở động vật;

l) Nghiên cứu xây dựng phác đồ điều trị bệnh ở động vật;

m) Phát triển công nghệ sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học dùng cho động vật; bảo tồn nguồn gen vi sinh vật, ký sinh trùng dùng trong nghiên cứu bệnh động vật;

n) Vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, kháng kháng sinh;

o) Xây dựng quy trình và các giải pháp phòng, trị bệnh;

p) Nghiên cứu công nghệ sinh học, công nghệ tế bào, công nghệ cao trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;

q) Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ số, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y; các công nghệ cao tiên tiến khác trong chăn nuôi và thú y.

5. Triển khai, ứng dụng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu:

a) Tổ chức thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và công nghệ chăn nuôi - thú y theo quy định của pháp luật;

b) Chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ tư vấn, kỹ thuật, chẩn đoán, xét nghiệm, phòng trị bệnh động vật;

c) Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường;

d) Giám sát và đánh giá suy thoái môi trường đất, nước, đa dạng sinh học, kiểm kê phát thải khí nhà kính, an toàn sinh học, tồn dư kháng sinh trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

6. Sản xuất thử nghiệm và kinh doanh sản phẩm khoa học và công nghệ:

a) Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi, vắc xin, chế phẩm sinh học, nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi, vật tư - thiết bị nghiên cứu và phòng trị bệnh động vật;

b) Xuất, nhập khẩu con giống, nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi, vắc xin, chế phẩm sinh học, dược phẩm, các nguyên liệu dùng cho sản xuất thuốc thú y; sản phẩm, thiết bị phục vụ nghiên cứu, sản xuất và chẩn đoán - phòng trị bệnh động vật theo quy định của pháp luật.

7. Đào tạo sau đại học, đào tạo nghề, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

8. Điều tra cơ bản; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ; dự tính, dự báo trong lĩnh vực bảo tồn và đa dạng sinh học, cây thức ăn chăn nuôi và lĩnh vực thuộc chuyên ngành theo quy định.

9. Xuất bản tạp chí khoa học và các ấn phẩm về kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên và môi trường; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật.

10. Hội nhập và hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ; chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; trao đổi chuyên gia và liên kết đào tạo với các tổ chức quốc tế, các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học và các doanh nghiệp nước ngoài; tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, chương trình, dự án, đề tài, kế hoạch, diễn đàn hợp tác quốc tế theo phân cấp quản lý của Bộ và quy định của pháp luật.

11. Cung cấp và tổ chức triển khai các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên và môi trường theo quy định và theo phân công của Bộ trưởng.

12. Tư vấn, dịch vụ về khoa học và công nghệ và các dịch vụ khác:

a) Khảo nghiệm, thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận sự phù hợp về giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi; thức ăn chăn nuôi; chăn nuôi động vật khác; chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi; phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; giết mổ, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; vệ sinh thú y; hành nghề thú y; an toàn thực phẩm trong chăn nuôi, thú y thuộc chức năng, nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật;

b) Chuyển giao công nghệ, khuyến nông; sản xuất và kinh doanh giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y và sản phẩm thú y;

c) Thực hiện các dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; tư vấn xây dựng chiến lược, dự án, quy hoạch phát triển chăn nuôi và thú y; đánh giá tác động môi trường và sinh học; chứng nhận chất lượng sản phẩm, công nghệ liên quan theo quy định của pháp luật.

13. Liên doanh, liên kết về nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ; thử nghiệm kỹ thuật và công nghệ; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh các sản phẩm, vật tư và công nghệ; thương mại hóa các sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện đăng ký, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ.

15. Quyết định mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào làm việc và cử chuyên gia, nhà khoa học của Viện ra nước ngoài công tác theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức, số lượng người làm việc, viên chức, người lao động; thực hiện cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định và theo chương trình, kế hoạch của Bộ.

17. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

18. Thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

19. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng phân công.

Điều 3. Lãnh đạo Viện

1. Lãnh đạo Viện có Viện trưởng và các Phó Viện trưởng theo quy định.
2. Viện trưởng quản lý, điều hành mọi hoạt động của Viện, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về hoạt động của Viện; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Viện; xây dựng, ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện theo quy định.
3. Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác do Viện trưởng phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Tổ chức, Hành chính.
2. Phòng Kế hoạch, Tài chính.
3. Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế.
4. Phòng Phân tích Thức ăn và Sản phẩm chăn nuôi.
5. Bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn chăn nuôi.
6. Bộ môn Di truyền và Đa dạng sinh học.
7. Bộ môn Nghiên cứu Hệ thống và Môi trường chăn nuôi.
8. Bộ môn Vi sinh vật Thú y.
9. Bộ môn Thú y cộng đồng và Ký sinh trùng.
10. Bộ môn Miễn dịch và Dịch tễ thú y.
11. Phòng Thí Nghiệm trọng điểm Công nghệ tế bào Động vật.
12. Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương.
13. Trung tâm Nghiên cứu Lợn Thụy Phương.
14. Trung tâm Nghiên cứu Dê, Thỏ và Bảo tồn vật nuôi.
15. Trung tâm Nghiên cứu Bò và Đồng cỏ Ba Vì.
16. Trung tâm Giống gia súc lớn Trung ương.
17. Trung tâm Nghiên cứu Ong và Thủy cầm.
18. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Núi.
19. Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ Thú y.
20. Phân viện Chăn nuôi và Thú y Miền Trung.
21. Phân viện Chăn nuôi và Thú y Nam Bộ.

Các đơn vị quy định từ khoản 11 đến khoản 21 Điều này có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các Hội đồng và Tạp chí

1. Hội đồng khoa học và các Hội đồng tư vấn

Viện trưởng quyết định thành lập Hội đồng khoa học, các Hội đồng tư vấn để tư vấn cho Viện trưởng về khoa học, công nghệ và các công tác khác liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện.

2. Tạp chí Khoa học Công nghệ về Chăn nuôi và Thú y Việt Nam

a) Tạp chí Khoa học Công nghệ về Chăn nuôi và Thú y Việt Nam là tạp chí do Viện xuất bản, phát hành theo giấy phép của cấp có thẩm quyền.

b) Viện trưởng bổ nhiệm Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập Tạp chí và quyết định thành lập Hội đồng biên tập, Ban biên tập Tạp chí theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 5758/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam.

2. Các tổ chức trực thuộc Viện Chăn nuôi và Viện Thú y tiếp tục hoạt động theo các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức hiện hành của đơn vị cho đến khi Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam được ban hành và có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính; Viện trưởng Viện Chăn nuôi và Thú y Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Công an, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn NN&MT Việt Nam;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ;
- Hội Cựu chiến binh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB, NQ.

Trần Đức Thắng